

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 06A/2021/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 4 - 2021
V/v: Kiện xin ly hôn, nuôi con
chung*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Chí Trung và bà Nguyễn Thị Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Mạnh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 206/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà **Trịnh Hải Y**, sinh năm 1961; địa chỉ: Tổ dân phố ĐT, phường LH, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

* **Bị đơn:** Ông **Bạch Công T**, sinh năm 1958; địa chỉ: Tổ 6, phường QT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa có mặt bà Y, ông T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, biên bản tự khai, các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Trịnh Hải Y có quan điểm:

Bà và ông Bạch Công T kết hôn hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và được Ủy ban nhân dân xã LH, huyện DT (nay là Ủy ban nhân dân phường LH, thành phố PL), tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/11/1994. Sau khi kết hôn vợ chồng đã có một thời gian dài chung sống hòa thuận và đã sinh được ba người con. Tuy nhiên trong cuộc sống vợ chồng không thể tránh khỏi mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, ông T thường xuyên xúc phạm danh dự đối với bà. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2020 đến nay và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay bà Y xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Y đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Bạch Công T.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Bạch Thị Thiên T, sinh ngày 29/10/1995 (con gái), Bạch Hoàng L, sinh ngày 03/02/2000 (con trai) và Bạch Tùng D, sinh ngày 26/7/2005 (con trai). Do cháu T và cháu L đã trưởng thành có thể lao động tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, khi ly hôn bà Y có nguyện vọng giao con chung Bạch Tùng D cho ông T nuôi dưỡng, bà Y tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu D 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu D trưởng thành đủ 18 tuổi. Con nuôi, con riêng: không có.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Bà Y không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Quan điểm trình bày của ông Bạch Công T: Ông nhất trí với trình bày của bà Y về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng, ông bà đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2020 đến nay và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà Y xin ly hôn, ông hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung có họ tên, tuổi đúng như bà Y đã trình bày, hiện nay cháu Bạch Tùng D còn nhỏ và đang ở cùng ông. Khi ly hôn, bà Y có nguyện vọng giao cháu D cho ông trực tiếp nuôi dưỡng và bà Y tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu D cùng ông 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu D trưởng thành đủ 18 tuổi ông hoàn toàn nhất trí. Về con nuôi, con riêng vợ chồng không có.

Về tài sản, công nợ: Ông và bà Y tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay: Các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng, ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục, thời gian, tiến hành xác minh thu thập chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Y. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trịnh Hải Y và ông Bạch Công T.

- Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao con chung là cháu Bạch Tùng D, sinh ngày 26/7/2005 cho ông T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, bà Y cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu D trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Y và ông T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Bạch Công T cư trú tại tổ 6, phường QT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án “Tranh chấp kiện ly hôn, nuôi con chung” giữa bà Trịnh Hải Y và ông Bạch Công T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa bà Trịnh Hải Y và ông Bạch Công T là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 21/11/1994 tại Ủy ban nhân dân xã LH, huyện DT (nay là Ủy ban nhân dân phường LH, thành phố PL), tỉnh Hà Nam thỏa mãn với điều kiện, thủ tục kết hôn được Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Trịnh Hải Y, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà Y và ông T đã có thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó mới phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, xúc phạm lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2020 đến nay, không bên nào còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay bà Y có đơn xin ly hôn, ông T cũng nhất trí. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nữa, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Y và ông T là phù hợp thực tế và pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Bạch Thị Thiên T, sinh năm 1995 (con gái), Bạch Hoàng L, sinh năm 2000 (con trai) và Bạch Tùng D, sinh ngày 26/7/2005 (con trai). Nay cháu T và cháu L đã trưởng thành có thể lao động tự lập được, cả bà Y và ông T đều đề nghị Tòa án không giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Cháu Bạch Tùng D hiện nay đang ở với ông T, khi ly hôn, Bà Y tự nguyện giao con chung Bạch Tùng D cho ông T nuôi dưỡng và có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu D là 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu D trưởng thành đủ 18 tuổi, ông T cũng nhất trí với quan điểm của bà Y, nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng đều thống nhất không có, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Các đương sự phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung, bà Yến phải nộp theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 144; Điều 147; Điều 179; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 51; 55; 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trịnh Hải Y và ông Bạch Công T.

2/ Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao ông Bạch Công T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Bạch Tùng D, sinh ngày 26/7/2005 (con trai), bà Trịnh Hải Y có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng ông T là 1.000.000đ/tháng kể từ tháng 4 năm 2021 cho đến khi cháu D trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Trịnh Hải Y và ông Bạch Công T mỗi người phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trịnh Hải Y phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Bà Trịnh Hải Y được đối trừ với 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/00004677 ngày 30 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Bà Y còn phải nộp tiếp 150.000 đồng.

Quyền kháng cáo đối với bản án: Bà Y, ông T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- UBND phường LH, TP PL, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuyên